TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 28–8–2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thào Thị Chứ, ông Nguyễn Hữu Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cà Thị Giang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La *tham gia phiên tòa:* Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 384/2026/TLST-HNGĐ ngày 25-6-2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-8-2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị L, sinh ngày 10/8/2000. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản T, xã B, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh ngày 01/5/1994. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản T, xã B, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã B, tỉnh Sơn La), kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng hiện tại đang sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Lường Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T có 02 con chung là cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023.

Chị Lường Thị L đề nghị giao cả hai cháu Lò Thị M và cháu Lò Kiều H cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lường Thị L kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã B, tỉnh Sơn La), kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, tính tình không hòa hợp. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh Lò Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T nhất trí ly hôn với chị Lường Thị L.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lường Thị L có 02 con chung là cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023.

Anh Lò Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lò Thị M, Lò Kiều H cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T không yêu cầu chị Lường Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự và ý kiến con từ 07 tuổi trở lên:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 10/7/2026 xác định: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T có kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã B, tỉnh Sơn La). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hiện tại chị L và anh T đã sống ly thân. Về con chung: chị Lường Thị L và anh Lò Văn T có 02 con chung là cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023. Hiện tại các cháu đang ở với anh T cùng gia đình bên nội. Anh Lò Văn T có khả năng và điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 03/8/2026 của Tòa án đối với cháu Lò Thị M thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với anh Lò Văn T, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lường Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị L giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung nhất trí ly hôn với chị Lường Thị L; về con chung: Anh Lò Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Lò Thị M, Lò Kiều H cho đến khi trưởng thành. Anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Lường Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lường Thị L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lường Thị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn T có nơi trú tại Bản T, xã B, tỉnh Sơn La, do vậy đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị L, bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về thủ tục hòa giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã B, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị L và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L, anh T đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T. Anh Lò Văn T cũng xác định không còn tình cảm và nhất trí ly hôn với chị Lường Thị L.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xác minh tại địa phương và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị L, anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lường Thị L ly hôn với anh Lò Văn T.

[5] Về con chung: Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T có có 02 con chung là cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023.

Chị Lường Thị L và anh Lò Văn T đều đề nghị giao cháu Lò Thị M và cháu Lò Kiều H cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Chị Lường Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của con chung từ 07 tuổi trở lên: Cháu Lò Thị M có nguyện vọng muốn ở với anh Lò Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lò Văn T có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập, có khả năng và điều kiện nuôi con. Sau khi chị L, anh T ly thân thì cháu Mến và cháu Hân đang ở với anh T và gia đình bên nội. Mọi việc học hành và sinh hoạt của hai cháu do anh T và gia đình bên nội chăm lo. Anh T đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, nuôi con về mọi mặt, cũng như cháu Mến có nguyện vọng là được ở với anh Lò Văn T.

Do đó để không bị xáo trộn cuộc sống và bảo đảm sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu cần chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, giao cháu Lò Thị M và cháu Lò Kiều H cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, do không ai yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu được miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lường Thị L đối với anh Lò Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị L ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị M, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Lò Kiều H, sinh ngày 12/8/2023 cho anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị L.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị L, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã B, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tiến Dũng